| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH QUẢNG NGÃI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 24 /2017/QĐ-UBND | *Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 5 năm 2017* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 5 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 21 ngày 21 tháng 4 năm 2017.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mức thu, trường hợp miễn, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch;

b) Cơ quan thu lệ phí: Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí hộ tịch.

3. Các trường hợp được miễn thu lệ phí:

a) Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi (trừ trường hợp có yếu tố nước ngoài);

b) Người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng. người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật;

c) Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Mức thu lệ phí hộ tịch:

| **STT** | **Các trường hợp nộp lệ phí hộ tịch** | **Mức thu** *(đồng/trường hợp)* |
|---|---|---|
| 1. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã | | |
| a | Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 8.000 |
| b | Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử | 8.000 |
| c | Đăng ký lại kết hôn | 30.000 |
| d | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | 15.000 |
| đ | Bổ sung hộ tịch | 15.000 |
| e | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | 15.000 |
| g | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác, đăng ký hộ tịch khác | 8.000 |
| 2. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện | | |
| a | Đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 75.000 |
| b | Đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử | 75.000 |

| | | |
|---|---|---|
| c | Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn | 1.500.000 |
| d | Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ | 75.000 |
| đ | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | 1.500.000 |
| e | Thay đổi, cải chính hộ tịch; bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc | 28.000 |
| g | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đăng ký hộ tịch khác | 75.000 |

Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mua Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch và các hồ sơ liên quan đến công tác quản lý hộ tịch.

5. Kê khai, nộp, quản lý lệ phí:

a) Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Cơ quan thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

c) Cơ quan thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2017 và thay thế Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng nghiên cứu, CBTH;
- Lưu: VT, NCbdv206.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Căng**